

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương							
1	Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa	TSC	Biên Hòa	Bửu Long	0,20	0,20	+ Văn bản số 1594/SKHĐT-TĐ ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2020 để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất xây dựng Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. + Văn bản thỏa thuận địa điểm số 2682/UBND-ĐT ngày 13/3/2017 của UBND thành phố Biên Hòa ; + Quyết định số 2232/QĐ-BTP ngày 21/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ; + Quyết định số 1116/QĐ-TCTHADS ngày 01/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị thực hiện dự án ; + Quyết định số 1252/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng ; + Văn bản số 1396/TCTHADS-KHTC ngày 29/4/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc thông báo kế hoạch đầu tư vốn HSN năm 2020 dự án Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
2	Bệnh viện điều dưỡng kết hợp trung tâm chuẩn đoán y khoa	DYT	Biên Hòa	Hóa An	2,24	2,24	Thông báo thu hồi đất số 174/TB-UBND ngày 7/1/2011 của UBND tỉnh
3	Trường TH Long Bình 1	DGD	Biên Hòa	Long Bình	2,17	0,03	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 VB số 5133/KH-UBND ngày 26/04/2018 của UBND thành phố về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện dự án. Bổ sung diện tích thu hồi do sai số đo đạc
4	Trường MN ấp Vườn Dừa	DGD	Biên Hòa	Phước Tân	0,56	0,06	Đã có quyết định bồi thường, giải phóng mặt bằng. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
5	Trường THCS Tân Hạnh	DGD	Biên Hòa	Tân Hạnh	1,50	0,02	Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 3/5/2019 của UBND thành phố về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019
6	Trường MN Tân Hạnh 2	DGD	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,85	0,03	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 24/08/2018 của HĐND thành phố về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-
7	Trường THCS Tân Phong	DGD	Biên Hòa	Tân Phong	1,60	0,02	Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 3/5/2019 của UBND thành phố về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019
8	Trường MN Tân Vạn	DGD	Biên Hòa	Tân Vạn	0,65	0,65	- Nghị quyết 102/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
9	Cơ sở điều trị Methadone	DYT	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,64	0,64	Văn bản số: 13308/UBND-TH ngày 05/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai Văn bản số 937/HĐND-VP ngày 28/06/2019 của Thường trực HĐND tỉnh. Nội dung
10	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc (điểm Mít Nài)	DGD	Định Quán	La Ngà	0,56	0,38	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
11	Trường TH Nguyễn Du	DGD	Định Quán	TT. Định Quán	1,00	1,00	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
12	Trường MN Hoa Hồng	DGD	Định Quán	TT. Định Quán	1,00	1,00	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
13	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	DGD	Định Quán	TT. Định Quán	1,29	1,29	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
14	Trường mầm non Xuân Thanh	DGD	Long Khánh	Xuân Thanh	0,87	0,87	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025,
15	Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng	DVH	Long Khánh	Hàng Gòn	0,60	0,60	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
16	Mở rộng trường THCS Hiệp Phước	DGD	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,41	0,41	- Quyết định số 7244/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình mở rộng trường THCS Hiệp Phước. -
17	Trường TH Phước An (ấp Vũng Gấm)	DGD	Nhơn Trạch	Phước An	0,22	0,22	- Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường Tiểu học Phước An (ấp Vũng Gấm) của UBND huyện Nhơn Trạch. -
18	Trường mầm non Đắc Lua (cơ sở DdabongKua)	DGD	Tân Phú	Đắc Lua	0,21	0,21	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
19	Trường tiểu học Phú Đồng	DGD	Tân Phú	Phú Lâm	0,60	0,60	Quyết định số 5922/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
20	Trụ sở công an xã	TSC	Tân Phú	Phú Lập	0,10	0,10	Dự án được ghi vốn tại Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND huyện về việc Giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020
21	Đền thờ vua Hùng	DDT	Tân Phú	Phú Sơn	12,50	12,23	Thông báo Kết luận cuộc họp của đồng chí Đinh Quốc Thái số 9655/TB-UBND ngày 20/8/2019;
22	Công viên trung tâm	DKV	Tân Phú	TT. Tân Phú	12,00	12,00	Thông báo Kết luận cuộc họp của đồng chí Đinh Quốc Thái số 9655/TB-UBND ngày 20/8/2019;
23	Trường TH Nguyễn Thị Định	DGD	Tân Phú	TT. Tân Phú	1,78	1,24	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2021; dự án được ghi
24	Trung tâm hành chính xã Bàu Hàm 2	TSC	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	5,00	5,00	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019
25	Trường MN Kim Đồng	DGD	Thống Nhất	Hưng Lộc	1,00	1,00	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
26	Trường TH Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Lộ 25	0,24	0,24	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
27	Trường TH,THCS Dầu Giây (A1-C1)	DGD	Thống Nhất	TT.Dầu Giây	2,00	2,00	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
28	Trạm y tế Bình Hòa	DYT	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,13	0,07	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 3773/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 865/TGB-SKHĐT ngày 11/12/2018 của Sở Kế
29	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	DTT	Vĩnh Cửu	Mã Đà	1,70	1,70	Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
30	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	DGD	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	0,91	0,91	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải							
31	Nút giao thông kết nối khu nhà ở Bửu Long vào đường Nguyễn Du	DGT	Biên Hòa	Bửu Long	0,14	0,14	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa.
32	Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1 - giai đoạn 1)		Biên Hòa	Các phường	11,70	0,30	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư. Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 (đoạn 1 - giai đoạn 1), thành phố Biên Hòa
33	Đường vào trường THPT Nam Hà	DGT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,11	0,11	Quyết định chủ trương đầu tư số 3742/QĐ-UBND ngày 14/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa. Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019
34	Đường Đỗ Văn Thi (mở rộng đoạn 1)	DGT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,75	0,04	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
35	Xây dựng cầu vòm cái Sút trên hương lộ 2 nối dài	DGT	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,87	0,37	- Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Đồng Nai Thông báo số 154/TB-HĐND ngày 13/03/2019 của HĐND tỉnh về việc kết luận phiên họp thường trực HĐND tỉnh khóa IX, trong đó, quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, trọng điểm nhóm C. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.
36	Lộ ra 110kV trạm 220 kV Tam Phước	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	0,14	0,07	Công văn số 13033/UBND-CNN ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hưởng tuyến
37	Trạm BA 220 kV Tam Phước và đường dây đầu nối	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	5,95	1,65	Quyết định số 14507/QĐ-BCT ngày 29/12/2015 về phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai; VB số 157/SCT-ĐN ngày 19/1/2016 về việc đăng ký nhu cầu SĐĐ giai đoạn 2016-2025. Bổ sung diện tích thu hồi theo bản vẽ mới
38	Nạo vét suối Sân Máu đoạn đầu (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu xóm Mai	SON	Biên Hòa	Phường Tân Hòa; Tân Biên; Hồ Nai; Trảng Dài	13,75	13,75	- Văn bản số 3073/SKHĐT-XDCB ngày 27/11/2015 của Sở KHĐT về việc thông báo đơn vị chủ đầu tư về Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B và trọng điểm nhóm C của Thường trực HĐND tỉnh; - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
39	Đường dây 220kV 2 mạch xuất tuyến TC 220kV trạm 500kV Long Thành - Công nghệ cao	DNL	Biên Hòa	Tam Phước	3,00	3,00	Công văn số 01/UBND-KTN ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh về việc thống nhất điều chỉnh hướng tuyến
40	Đường 23 theo quy hoạch (dự án đường kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất)	DGT	Biên Hòa	Tân Biên	0,13	0,01	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
41	Đường vào trường THCS Lê Quang Định (HT)	DGT	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,42	0,01	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 1338,1339/QĐ-UBND ngày 23/04/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt báo cáo junh tế kỹ thuật (điều chỉnh). Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
42	Đường vào trường TH Tân Tiến A	DGT	Biên Hòa	Tân Tiến	0,47	0,02	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019. Bổ sung diện tích do sai số đo đạc
43	Đường Lưu Văn Việt	DGT	Biên Hòa	Tân Tiến	0,88	0,18	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 2685,2717/QĐ-UBND ngày 18,19/8/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án
44	Đường nối từ đường ven sông Cái đến đường Võ Thị Sáu	DGT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,90	0,90	Nghị quyết 106/NQ-HĐND ngày 31/08/2020 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư nhóm B, nhóm C trên địa bàn thành phố Biên Hòa
45	Trạm bơm nước thải số 1, phường Thống Nhất thuộc dự án HTTN và XLNT thành phố Biên Hòa, giai đoạn I	DTL	Biên Hòa	Thống Nhất	0,49	0,49	- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 phê duyệt dự án đầu tư; - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020 - Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Đồng Nai
46	Đường vào trạm bơm nước thải số 1 phường Thống Nhất thuộc dự án HTTN và XLNT thành phố Biên Hòa, giai đoạn I	DGT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	0,02	- Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 phê duyệt dự án đầu tư; - Thông báo số 970/SKHĐT-TĐ ngày 10/12/2020 về việc chi tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020. - Quyết định số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 tỉnh Đồng Nai
47	Đường áp 3 Lâm San - Quảng Thành	DGT	Cẩm Mỹ	Lâm San	4,80	0,62	Văn bản số: 4981/UBND-KTNS ngày 05/05/2020 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình, mở rộng đường áp 3 Lâm San - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ
48	Đường áp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	DGT	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	6,00	3,08	Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
49	Đường dọc Sông Ray	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,92	7,92	Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Thừa Đức	18,90	10,00	Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
51	Nâng cấp mở rộng Trạm bơm Ngọc Định	DTL	Định Quán	Ngọc Định	20,00	20,00	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
52	Đường Phú Cường - La Ngà	DGT	Định Quán	Phú Cường; La Ngà	8,00	7,30	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
53	Đường Gia Canh - 120 nối dài (mở rộng)	DGT	Định Quán	Phú Lợi	0,82	0,82	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
54	Thủy điện Thác Trồi	DNL	Định Quán	Phú Ngọc	27,76	27,76	Báo cáo số 01/BC-SKHĐT ngày 02/01/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Hồ sơ Quyết định chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Thác Trồi tại huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc của Công ty Cổ phần Năng lượng La Ngà
55	Thủy điện Phú Tân 2	DNL	Định Quán	Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Vinh	98,76	98,76	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 17/7/2020. Văn bản số 12415/UBND-KTN ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ý kiến đối với việc điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Phú Tân 2.
56	Đường dây 110kV đấu nối Nhà máy điện Phú Tân 2	DNL	Định Quán	Phú Vinh	0,80	0,80	Văn bản 12254/UBND-KTN ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV đấu nối Thủy điện Phú Tân 2.
57	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (mở rộng)	DGT	Định Quán	Phú Vinh - Phú Tân	10,20	4,25	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
58	Nâng cấp, sửa chữa đường Cầu Trắng (mở rộng)	DGT	Định Quán	TT Định Quán, Ngọc Định	7,32	3,05	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
59	xây dựng mở rộng Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	DGT	Định Quán	TT. Định Quán	3,85	3,51	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
60	Đường vành đai thị trấn Định Quán	DGT	Định Quán	TT. Định Quán	6,20	6,20	Thông báo số 1021/TB-SKHĐT ngày 31/12/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019-2020
61	Đường Suối Rác	DGT	Định Quán	Túc Trưng	1,48	1,48	Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
62	Đường Duy Tân	DGT	Long Khánh	Bảo Vinh	7,33	7,33	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 2877/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
63	Đường Điều Xiển	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	17,63	17,63	- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1); - Quyết định số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
64	Đường Thổ Lùn	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	1,26	1,26	- Quyết định số 691//QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường Thổ Lùn giai đoạn 2 xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh. - Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
65	Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	1,83	1,83	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
66	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh và hướng tuyến đường dây đầu nối	DNL	Long Khánh	Suối Tre	0,56	0,56	Văn bản số 9245/UBND-KTN ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí Trạm biến áp
67	Đường song hành với đường 21/4, đoạn phân lô tại khu phố Núi Tung, phường Suối Tre	DGT	Long Khánh	Suối Tre	2,56	2,56	- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1). - Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh duyệt chủ trương đầu tư.
68	Đường qua khu đô thị mới từ Nguyễn Trãi đến Lê Hồng Phong (Đường từ đường 908 nối dài đến đường Xuân Tân - Xuân Định)	DGT	Long Khánh	X.Hòa; P. Bình; X Tân	6,11	0,42	Quyết định thu hồi đất số :3259/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND thành phố Long Khánh về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. (thu hồi bổ sung diện tích đất an ninh quốc phòng)
69	Đường Phạm Lạc	DGT	Long Khánh	Xuân Thanh	0,78	0,78	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
70	Đường ranh Xuân Bình-Phú Bình-Bàu Sen (Phú Bình 26)	DGT	Long Khánh	X.Bình, B.Sen, P.Bình	2,35	2,35	Văn bản số 3380/UBND-CN ngày 13/10/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc chấp thuận chủ trương phê duyệt danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn từ ngân sách thành phố
71	Đường Hoàng Diệu	DGT	Long Khánh	Xuân Thanh	1,30	1,30	- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án nâng cấp tuyến đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh
72	TBA 110kV Bàu Cạn & đường dây đầu nối	DNL	Long Thành	Long Phước, Phước Thái, Tân Hiệp	0,53	0,53	Văn bản số 8079/UBND-KTN ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp Bàu Cạn và hướng tuyến đường dây đầu nối
73	Đường dây 220kV đấu nối NMD Nhơn Trạch 3 TBP 500kV Long Thành	DNL	Long Thành	Tam An	4,00	4,00	Văn bản số 9419/UBND-KTN ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí
74	Đường dây 220kV TBM 500kV Long Thành - Công nghệ cao	DNL	Long Thành	Tam An, Lộc AN, Long Đức, An Phước	3,00	3,00	Văn bản số 01/UBND-KTN ngày 02/1/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
75	TBA 220kv An Phước	DNL	Long Thành	TT.Long Thành	0,47	0,47	Dự án đã được hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua tại Nghị quyết số 91 năm 2018 là 3,4 ha, KHSD đất năm 2021 đăng ký bổ sung 0,47 ha theo báo cáo số 11274/BC-SPMB ngày 5/10/2020 của tổng công ty truyền tải điện Quốc gia về tình hình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư công các công trình điện cao thế trên địa bàn huyện Long Thành
76	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Kỳ	DTL	Nhon Trạch	Hiệp Phước	9,50	4,70	Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án kiên cố hóa tuyến kênh Bà Kỳ.
77	Lộ ra 110kV trạm 220kV An Phước	DNL	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,14	0,14	Văn bản số 1214/UBND-CNN ngày 29/01/2019 về việc thỏa thuận hướng tuyến của UBND tỉnh
78	Đường 25C (giai đoạn 1) đoạn từ HL 19 đến đường 319, đoạn 2A từ đầu đường số 9 ranh khu công nghiệp đến đường Nguyễn Hữu Cảnh	DGT	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	12,20	12,20	- Thông báo số 415/TB-UBND ngày 08/8/2019 của UBND huyện về chủ trương đầu tư dự án đường 25C giai đoạn 1 (đoạn từ HL 19 đến đường 319) đoạn 2A (đoạn từ đầu đường số 9 đến đường Nguyễn Hữu Cảnh). - Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 huyện Nhon Trạch (đợt 1). - Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng Nhân dân huyện Nhon Trạch về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2020 huyện Nhon Trạch. - Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Đồng Nai. - Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
79	Đường số 13 giai đoạn 1 (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Nguyễn Ái Quốc)	DGT	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	10,11	10,11	- Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang). - Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
80	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang)	DGT	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Thạnh	30,40	22,80	Quyết định số 2895/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang)
81	Đường chắn nước nối dài đến khu công nghiệp Nhon Trạch	DGT	Nhon Trạch	Phú Hội	7,45	2,23	- Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường chắn nước nối dài đến khu công nghiệp I. - Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 huyện Nhon Trạch (đợt 1). - Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng Nhân dân huyện Nhon Trạch về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2020 huyện Nhon Trạch.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
82	Trạm 220KV KCN Nhơn Trạch và đường dây đầu nối	DNL	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,50	4,50	Văn bản số 13032/UBND-KTN ngày 11/11/2019 về việc thỏa thuận hưởng tuyến của UBND tỉnh
83	Cảng - Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	DGT	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	4,50	4,50	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cảng bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh
84	Xuất tuyến TBA 220kV thành phố Nhơn Trạch	DNL	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thanh	0,13	0,13	Văn bản số 15045/UBND-CNN ngày 27/02//2019 về việc thỏa thuận hưởng tuyến của UBND tỉnh
85	Đường số 7 (đoạn từ KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	DGT	Nhơn Trạch	Phước An	10,12	10,12	Quyết định số 3719/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 về việc triển khai Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của UBND huyện đối với dự án đường số 7 giai đoạn 1.
86	Hạ tầng khu tái định cư Phước An	DGT	Nhơn Trạch	Phước An	44,00	44,00	- Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu tái định cư Phước An. - Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 huyện Nhơn Trạch (đợt 1).
87	Đường dây 500kV nhà máy điện Nhơn Trạch 4 rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	DNL	Nhơn Trạch	Phước Khánh	1,20	1,20	Văn bản số 9418/UBND-KTN ngày 14/8/2019 về việc thỏa thuận hưởng tuyến của UBND tỉnh
88	DZ 220kV đầu nối NMD Nhơn Trạch 3 - TBA 500kV Long Thành	DNL	Nhơn Trạch	Phước Khánh, Vĩnh Thanh, Phước An, Hiệp Phước, Long Tân, Phú Thạnh, Phú Hội, Phước Thiện	4,00	4,00	Văn bản số 9419/UBND-KTN ngày 14/8/2019 về việc thỏa thuận hưởng tuyến của UBND tỉnh
89	Đường áp 7 ĐabongKua	DGT	Tân Phú	Đắc Lua	7,20	7,20	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Tân Phú về việc Đầu tư công năm 2021 huyện Tân Phú
90	Trạm biến áp 110kV Núi Tượng và đường dây đầu nối	DNL	Tân Phú	Phú Thịnh; Phú Lộc; TT. Tân Phú	0,76	0,76	Văn bản số 8364/UBND-KTN ngày 17/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV Núi Tượng và hưởng tuyến đường dây đầu nối
91	Kênh tạo nguồn Thanh Sơn - Phú Xuân	DTL	Tân Phú	Thanh Sơn	1,20	1,20	Quyết định số 4548/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Tân Phú về điều chỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Tân Phú về việc Đầu tư công năm 2021 huyện Tân Phú
92	Đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	3,20	3,20	Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với dự án xây dựng đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú
93	Đường Lý Thường Kiệt	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	3,10	3,10	Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường nội thị thị trấn Tân Phú
94	Đường Nguyễn Tri Phương	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	5,70	5,70	Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường nội thị thị trấn Tân Phú

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
95	Đường Hùng Vương đoạn cuối	DGT	Tân Phú	TT. Tân Phú	5,10	5,10	Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 18/03/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc cho phép chuẩn bị đầu tư và phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư một số tuyến đường nội thị thị trấn Tân Phú
96	Hệ thống thoát nước chung TT Tân Phú (đoạn từ QL20 đến Suối Tranh)	DTL	Tân Phú	TT. Tân Phú; Trà Cô	3,00	3,00	Văn bản số 10030/UBND-KTNS ngày 21/8/2020 về việc chủ trương đầu tư và hỗ trợ nguồn vốn một số dự án trên địa bàn huyện Tân Phú; Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Tân Phú về việc Đầu tư công năm 2021 huyện Tân Phú
97	Đường D17	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2; TT.Đầu Giấy	7,28	7,28	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020; Thông báo kết luận số 6961/TB-UBND ngày 20/6/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho UBND huyện Thống Nhất tạm ứng vốn từ ngân sách tỉnh để đầu tư
98	Đường phía Tây Quốc lộ 20	DGT	Thống Nhất	Các xã	31,00	31,00	Thông báo kết luận số 6961/TB-UBND ngày 20/6/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho UBND huyện Thống Nhất tạm ứng vốn từ ngân sách tỉnh để đầu tư; Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Đường song hành phía Tây QL 20.
99	Cải tạo đường dây 110kv TBA 220kv Trị An - Kiệm Tân	DNL	Thống Nhất	Gia Tân 1; Gia Tân 2	0,02	0,02	Văn bản số 4897/UBND-KNT ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kv TBA 220kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân
100	Đường Chu Văn An - Định Quán (giai đoạn 3)	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,80	1,80	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020; Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư;
101	Mương thoát nước Khu dân cư A1 – C1 đến cống 3 miệng	DTL	Thống Nhất	TT.Đầu Giấy	1,20	1,20	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
102	Cầu và đường dẫn 02 đầu tư áp Tân Bắc	DGT	Trảng Bom	Bình Minh	1,26	0,08	- Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom. - Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán dự án Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom.
103	ĐZ 220kv mạch hai Sông Mây - Bảo Lộc	DNL	Trảng Bom	Bắc Sơn, Bình Minh, Sông Trầu, Tây Hòa, Sông Thao, Hưng Thịnh, Trung Hòa, Đông Hòa	0,09	0,09	Đã được UBND tỉnh thỏa thuận tại văn bản số 1613/UBND-CNN ngày 15/02/2019 Văn bản số 4399/SCT-KH ngày 23/9/2020 về việc lập quy hoạch sử dụng đất năm 2021 của ngành Công Thương tỉnh Đồng Nai.
104	Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân	DNL	Trảng Bom	Thanh Bình	0,04	0,04	Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân và Quyết định số 857/QĐ-EVN SPC ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt hiệu chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi.

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
105	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom (giai đoạn 1)	DTL	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,20	1,20	Nghị quyết 169/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 2725/SKHĐT-TĐ ngày 3/8/2020 về việc thông báo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020.
106	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng	DTL	Xuân Lộc	Lang Minh, Xuân Hiệp, Xuân Tâm	6,60	6,60	Quyết định số 3466/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư dự án Kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
107	Hồ Gia Ui 2 (bổ sung)	MNC	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	329,00	98,40	- Văn bản 2791/SKHĐT ngày 31/8/2017 của SKHĐT về triển khai Văn bản 483/HĐND tỉnh thông báo về chủ trương đầu tư. Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
108	Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây (bổ sung)	DGT	Xuân Lộc	Xuân Tâm	284,21	10,06	- Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021. Bổ sung thêm diện tích thu hồi do điều chỉnh quy hoạch
109	Nút giao thông giữa đường ĐT765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát) bổ sung	DGT	Xuân Lộc	Suối Cát, Xuân Hiệp	2,60	0,02	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất; Bổ sung thêm diện tích thu hồi do điều chỉnh quy hoạch Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
110	Đường Hùng Vương - Trần Phú (bổ sung)	DGT	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	15,30	2,69	Đã có quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
111	Đường Xuân Hưng-Xuân Tâm	DGT	Xuân Lộc	Xuân Tâm, Xuân Hưng	44,48	35,34	Thông báo kết luận số 3959/TB-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
112	Đường Phước Bình – Thọ Phước Xuân Thọ	DGT	Xuân Lộc	Xuân Thọ	3,3	1,75	Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Phước Bình, xã Xuân Thọ; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
113	Đường Làng dân tộc Choro Xuân Phú	DGT	Xuân Lộc	Xuân phú	4,13	3,06	Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường làng dân tộc Choro ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
114	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân.	DGT	Xuân Lộc	Xuân Thọ	5,5	2,5	Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Thọ Chánh- Thọ Tân, xã Xuân Thọ (từ Km 0+00 đến Km1+200); Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
115	Nâng cấp, mở rộng đường Thành Công, ấp Trung Nghĩa	DGT	Xuân Lộc	Xuân Trường	2,1	0,46	Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường Thành Công, xã Xuân Trường; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
116	Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Đình Thương	DGT	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	1,15	0,75	Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
117	Đường Chiến Thắng - Nam Hà	DGT	Xuân Lộc	Bảo Hòa	10,00	6,01	Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
118	Đường nội đồng giáo Tùng	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,65	0,65	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4237/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
119	Đường Bình Ninh	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,67	0,67	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4238/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
120	Đường nội đồng cây Gõ	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,45	0,45	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4239/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
121	Đường Cây Gõ	DGT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,50	0,50	- Quyết định chủ trương đầu tư số 4196 ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
122	Đường Ông Thanh	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,30	0,30	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
123	Hệ thống thoát nước Khu công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	DTL	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,80	0,80	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
124	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	DNL	Vĩnh Cửu	Trị An, TT Vĩnh An	0,26	0,26	Công văn số 4897/UBNDKTN ngày 29/4/2020 UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận hường tuyến và phương án cải tạo đường dây và trạm; Quyết định 857/QO-EVN SPC ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi
125	Điểm trung chuyển rác kết hợp với chôn xác động vật	DRA	Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2	2	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý (Điều chỉnh, bổ sung lần thứ 1)

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng							
126	Hạ tầng khu tái định cư 2 phường Long Bình Tân	ODT	Biên Hòa	Long Bình Tân	6,30	6,30	NGhị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sử đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm
127	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	DKV	Biên Hòa	Quang Vinh	1,52	0,22	Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 2/8/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc duyệt chủ trương đầu tư công trình. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ
128	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Kim	DSH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,03	0,03	Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND huyện Thống Nhất về việc giao chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020
129	Mở rộng trường MN Xuân Trường (ấp Trung Lương)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,67	0,32	Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
130	Nhà văn hóa ấp Bảo Thị	DSH	Xuân Lộc	Xuân Định	0,22	0,22	Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 06/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc cấp kinh phí cho xã Xuân Định
131	Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Bình Lợi	ONT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	3,40	3,40	- Biên bản làm việc giữa Ban QLDA, Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, phòng Tài nguyên - Môi trường, UBND xã Bình Lợi và công ty TNHH Tuấn Thắng ngày 25/9/2019. - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
132	Khu tái định cư xã Thạnh Phú	ONT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	2,39	2,39	- Quyết định 811A/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết 111/2019/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch. - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng							
133	Khu nhà ở An Hòa	ODT	Biên Hòa	An Hòa	0,30	0,30	Kết luận Thanh tra số 250/KL-STNMT ngày 4/9/2020 về việc sử dụng đất để thực hiện dự án của Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại phường
134	Khu dân cư tạo vốn số 3 (phục vụ dự án đường từ cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K)	ODT	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,88	0,88	Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ
135	Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,30 ha	ODT	Biên Hòa	Bửu Long	6,30	6,30	NGhị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc sử đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công
136	Chung cư cao tầng kết hợp TMDV (Công ty Phát triển nhà Lộc An)	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất	0,17	0,02	Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cấp chủ trương đầu tư. Bổ sung diện tích thu hồi do đo đạc bản đồ

STT	Tên công trình	Mã loại đất	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
137	Khu dân cư - thương mại Phú Gia	ODT	Biên Hòa	Trảng Dài	3,89	3,89	Quyết định chủ trương đầu tư số 260/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh
138	Khu dân cư Trảng Dài	ODT	Biên Hòa	Trảng Dài	1,63	1,63	Quyết định chủ trương đầu tư số 262/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh
139	Xây dựng hạ tầng khu dân cư theo quy hoạch (Đại Hoàng Hào)	ONT	Long Thành	Bình Sơn	4,06	4,06	Quyết định chủ trương đầu tư số 236/QĐ-UBND ngày 21/1/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
140	Khu dân cư Khiết Linh	ONT	Long Thành	Lộc An	0,95	0,95	Quyết định chủ trương đầu tư số 264/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
141	Khu dân cư tại xã Long Đức	ONT	Long Thành	Long Đức	0,79	0,79	Quyết định chủ trương đầu tư số 2917/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
142	Khu dân cư Vi Như	ONT	Long Thành	Long Phước	1,05	1,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 2745/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
143	Khu dân cư Tâm Khánh Land	ONT	Long Thành	Phước Bình	1,16	1,16	Quyết định chủ trương đầu tư số 2744/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
144	Khu dân cư Bình Khiết	ONT	Long Thành	Phước Bình	1,95	1,95	Quyết định chủ trương đầu tư số 3817/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai
145	Khu dân cư Điền Tâm Thịnh	ONT	Long Thành	Phước Bình	1,09	1,09	Quyết định chủ trương đầu tư số 4235/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai
146	Khu dân cư Phước Bình INVEST	ONT	Long Thành	Phước Bình	2,68	2,68	Quyết định chủ trương đầu tư số 4236/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai
147	Khu dân cư và cây xanh kết hợp dịch vụ giải trí	ONT	Nhơn Trạch	Phú Đông	4,90	1,61	Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, đã thu hồi tại NQ57 trong KHSĐĐ 2017 là 3,29 ha, bổ sung thêm
148	Khu dân cư thương mại tại xã Phú Hội	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội	6,65	6,65	Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh về việc gia hạn thêm 18 tháng để triển khai thực hiện dự án của Cty TNHH Tập đoàn Bitexco
149	Khu dân cư tổng hợp kết hợp thương mại dịch vụ phát triển theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội	16,14	16,14	Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
150	Khu dân cư An Gia	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	4,52	4,52	Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
151	Khu dân cư Phú Hữu	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	199,00	199,00	- Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. - Quyết
152	Khu đô thị ASIA Phước An	ONT	Nhơn Trạch	Phước An	29,00	29,00	Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
153	Khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Lộ 25	ONT	Thống Nhất	Lộ 25	20,00	20,00	Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
154	Khu dân cư Hòa Bình	ONT	Thống Nhất	Quang Trung	13,67	13,67	Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Tên dự án	Diện tích, trong đó:		Vị trí		Căn cứ pháp lý
		Diện tích dự án (ha)	Diện tích điều chỉnh địa điểm	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố, thị xã	
1	Cầu vòm Cái Sút	3,87	0,31	Tam Phước	Biên Hoà	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 28/5/2019 của HĐND tỉnh về việc giải quyết các vấn đề phát sinh từ sau kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khoá IX nhiệm kỳ 2016 - 2020 ngày 15/3/2019. - Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Xây mới cầu Vòm Cái Sút trên đường Hương lộ 2, thành phố Biên Hoà. - Thông báo số 970/TB-SKHĐT ngày 10/12/2019 của Sở KH&ĐT thông báo chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2020.
2	Hương lộ 2 (đoạn 1, từ QL51 đến cầu Long Hưng)	11,70	0,30	An Hoà	Biên Hoà	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3893/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đường Hương lộ 2 (đoạn 1 - giai đoạn 1), thành phố Biên Hoà. - Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Phê duyệt phương án thi công đối soát, do chỉnh lý bản đồ địa chính, lập bản đồ địa chính khu đất. - Thông báo số 10464/TB-UBND ngày 01/9/2020 về Kết luận của đồng chí Cao Tiến Dũng - Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc về tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm.

STT	Tên dự án	Diện tích, trong đó:		Vị trí		Căn cứ pháp lý
		Diện tích dự án (ha)	Diện tích điều chỉnh địa điểm	Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố, thị xã	
3	Cầu và đường dẫn 02 đầu tư ấp Tân Bắc	1,26	0,08	Bình Minh	Trảng Bom	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom. - Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán dự án Xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom.
Tổng		16,83	0,69			

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG NĂM 2021 TỈNH ĐỒNG NAI

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
	I. Các dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng							
1	Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Bửu Long	0,20	0,02			+ Văn bản thỏa thuận địa điểm số 2682/UBND-ĐT ngày 13/3/2017 của UBND thành phố Biên Hòa ; + Quyết định số 2232/QĐ-BTP ngày 21/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án ; + Quyết định số 1116/QĐ-TCTHADS ngày 01/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị thực hiện dự án ; + Quyết định số 1252/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng ; + Văn bản số 1396/TCTHADS-KHTC ngày 29/4/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc thông báo kế hoạch đầu tư vốn HSNN năm 2020 dự án Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa; + Văn bản số 1594/SKHĐT-TĐ ngày 08/5/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2020 để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất xây dựng Cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
2	Đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản	Biên Hòa	Các phường: Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	19,37	2,60			Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 8/5/2020 về việc phê duyệt dự toán các công việc thực hiện giai đoạn chuẩn bị dự án để lập báo cáo NCKT. Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Bổ sung diện tích sử dụng đất trồng lúa.
3	Kho ngoại quan và cung cấp dịch vụ Logistic	Biên Hòa	Tân Vạn	0,27	0,27			Văn bản số 85/CV-TBS ngày 23/9/2020 Công ty CP ĐT Thái Bình đăng ký diện tích đã hoàn tất bồi thường, nay Công ty đăng ký đề xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và lập thủ tục thuê đất
4	Khu gia đình B, sân bay Biên Hòa	Biên Hòa	Các phường	3,95	0,91			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
5	Nhà máy gạch TUYNEL (Liên hiệp HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Đồng Nai)	Biên Hòa	Phước Tân	1,20	0,96			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
6	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Biên Hòa	Bửu Long	1,50	0,05			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
7	Đường ven sông Cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản	Biên Hòa	Các phường	19,37	0,07			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
8	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,36	0,03			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
9	Tuyến đường giao thông dọc suối Sân Máu theo quy hoạch	Biên Hòa	Thống Nhất	1,20	0,11			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
10	Hương lộ 21	Biên Hòa	Tam Phước	1,10	0,09			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
11	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	0,02			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
12	Đường dẫn vào Trường THPT Chu Văn An	Biên Hòa	Hóa An	0,15	0,06			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
13	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	29,73	0,21			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
14	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa và Suối Cầu Quan	Biên Hòa	Long Bình, Long Bình Tân, An Hòa, An Bình, Phước Tân	15,20	0,66			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
15	Khu dân cư phục vụ tái định cư 4,20 ha	Biên Hòa	Tân Hạnh	4,20	0,34			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
16	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 71	Biên Hòa	Tân Vạn	3,24	0,11			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
17	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	1,37	0,20			Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/1/2006 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2 Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
18	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	1,70	0,84			Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách Biên Hòa Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 01/06/2017 của UBND thành phố về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. VB số 838/UBND-ĐT ngày 17/01/2018 của UBND thành phố về việc xử lý đề xuất thu hồi thêm diện tích đất
19	Khai thác chế biến Đá xây dựng Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Tam Phước	15,10	0,26			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
20	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 4 -Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	18,17	0,02			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
21	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 7 -Phước Tân (BH.Đ8-2)	Biên Hòa	Phước Tân; Tam Phước	45,00	0,10			Quyết định số 4385/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Biên Hòa. Bổ sung diện tích đất lúa
22	Dự án Kè và đường ven sông Đồng Nai đoạn từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh qua phường Hóa An và Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Bửu Hòa, Hóa An	10,50	0,01			Văn bản số 10230/UBND-ĐT ngày 05/08/2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc tham mưu lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án kè và đường ven sông Đồng Nai
23	Trường MN Tân Vạn	Biên Hòa	Tân Vạn	0,65	0,17			- Nghị quyết 102/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc Sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố Biên Hòa. - Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc Sửa đổi, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
24	Đường dọc Sông Ray	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	7,92	0,69			Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
25	Hợp tác xã Nông nghiệp Xanh	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	6,02	1,58			Đơn đăng ký nhu cầu sử dụng đất Hợp tác xã Nông nghiệp xanh Xuân Đông
26	Thủy điện Phú Tân 2	Định Quán	Phú Tân, Thanh Sơn, Phú Vinh	98,76		10,05		Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 17/7/2020. Văn bản số 12415/UBND-KTN ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ý kiến đối với việc điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Phú Tân 2.
27	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (mở rộng)	Định Quán	Phú Vinh, Phú Tân	10,20	0,28			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
28	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Định Quán	TT Định Quán	1,29	1,25			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
29	Trường TH Nguyễn Du	Định Quán	TT Định Quán	1,00	1,00			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
30	Trường MN Hoa Hồng	Định Quán	TT Định Quán	1,00	0,31			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
31	Xây dựng mở rộng Đường Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán	Định Quán	TT Định Quán	3,85	0,75			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
32	Nâng cấp, sửa chữa đường Cầu Trắng (mở rộng)	Định Quán	TT Định Quán	7,32	1,02			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020
33	Đường Phú Cường - La Ngà	Định Quán	Xã Phú Cường; La Ngà	8,00	0,88			Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công huyện Định Quán năm 2020

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
34	Đường Điều Xiển	Long Khánh	Bàu Trâm	17,63	0,19			- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 (đợt 1); - Quyết định số 137/NQ-HĐND ngày 26/5/2020 của HĐND thành phố Long Khánh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công của thành phố.
35	Đường Thổ Lùn	Long Khánh	Bàu Trâm	1,26	0,33			Quyết định số 691//QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố Long Khánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường Thổ Lùn giai đoạn 2 xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh.
36	Khu dân cư Vi Như	Long Thành	Long Phước	1,05	1,05			Quyết định chủ trương đầu tư số 2745/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
37	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00	4,73			Dự án đã được hội đồng nhân dân tỉnh Thông qua tại Nghị quyết số 196 năm 2020 đối với đất rừng phòng hộ, nay bổ sung diện tích đất trồng lúa
38	Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân	Nhon Trạch	Long Tân	7,60	3,74			Đã phê duyệt tại KH 2020, nằm trong danh mục thu hồi đất theo NQ196/2019; bổ sung diện tích đất lúa theo đo đạc để thực hiện dự án
39	Khu dân cư và cây xanh kết hợp dịch vụ giải trí	Nhon Trạch	Phú Đông	4,90	2,94			Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, thu hồi tại NQ57 trong KHSDĐ 2017 là 3,29 ha, bổ sung thêm 1,61 ha để tiếp tục thực hiện dự án
40	Khu dân cư An Gia	Nhon Trạch	Phú Hữu	4,52	1,70			Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, đã phê duyệt QHCT 1/500 theo QĐ số 2596/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh
41	Cảng - Bến thủy nội địa tại xã Phú Thạnh	Nhon Trạch	Phú Thạnh	4,50	0,10			Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
42	Đền thờ vua Hùng	Tân Phú	Phú Sơn	12,50		3,48		Thông báo Kết luận cuộc họp của đồng chí Đinh Quốc Thái số 9655/TB-UBND ngày 20/8/2019
43	Đường Lý Thường Kiệt	Tân Phú	TT. Tân Phú	3,10	0,74			Quyết định cho phép đầu tư số 674/QĐ-UBND ngày 18/3/2019
44	Đường phía Tây Quốc lộ 20	Thống Nhất	Các xã	31,00	2,50			Thông báo kết luận số 6961/TB-UBND ngày 20/6/2019 về việc chấp thuận chủ trương cho UBND huyện Thống Nhất tạm ứng vốn từ ngân sách tỉnh để đầu tư; Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 07/11/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Đường song hành phía Tây QL 20.
45	Điểm du lịch Trại An Lake View	Thống Nhất	Gia Tân 1	33,70	0,68			Quyết định số 4386/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Thống Nhất; Văn bản số 10441/UBND-KTN ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận điều chỉnh quy mô, vị trí khu đất và đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2020
46	Khu dân cư thương mại dịch vụ tại xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	20,00	3,38			Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
47	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Lang Minh, Xuân Hiệp, Xuân Tâm	6,60	2,51			Quyết định số 3466/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư dự án Kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
48	Hồ Gia Ui 2	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân Hòa	329,00	24,78			- Văn bản 2791/SKHĐT ngày 31/8/2017 của SKHĐT về triển khai Văn bản 483/HĐND tỉnh thông báo về chủ trương đầu tư. Quyết định 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
49	Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Xuân Lộc	Các xã	10,06	4,30			- Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021. Bổ sung thêm diện tích thu hồi do điều chỉnh quy hoạch
50	Đường Hùng Vương - Trần Phú	Xuân Lộc	TT. Gia Ray	9,10	0,01			Đã có quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
51	Đường Xuân Hưng-Xuân Tâm	Xuân Lộc	Xuân Hưng, Xuân tâm	44,48		10,67		Kết luận số 3959/TB-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh. Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
52	Đường Làng dân tộc Choro Xuân Phú	Xuân Lộc	Xuân phú	4,13	0,29			Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường làng dân tộc Choro ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
53	Đường Phước Bình – Thọ Phước Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	3,30	0,20			Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
54	Đường Thọ Chánh - Thọ Tân.	Xuân Lộc	Xuân Thọ	5,50	0,47			Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Đường Thọ Chánh - Thọ Tân, xã Xuân Thọ (từ Km 0+00 đến Km 1+200); Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
55	Nâng cấp, mở rộng đường Thành Công, ấp Trung Nghĩa	Xuân Lộc	Xuân Trường	2,10	0,04			Quyết định số 3491/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình : Nâng cấp , sửa chữa đường Thành Công , xã Xuân Trường ; Đã đăng ký vốn tại Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 của UBND huyện Xuân Lộc về việc lập kế hoạch đầu tư công 2021
56	Mở rộng trường MN Xuân Trường (ấp Trung Lương)	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,67	0,20			Báo cáo số 348/BC-UBND ngày 18/8/2020 về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 về kế hoạch đầu tư công năm 2021
57	Trang trại chăn nuôi vịt đẻ trứng giống quy mô 75.000 con	Xuân Lộc	Xuân Hòa	4,85	0,51			Quyết định chủ trương đầu tư số 1886/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai
58	Đường Bình Ninh	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,67	0,67			- Quyết định chủ trương đầu tư số 4238/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
59	Đường nội đồng cây Gõ	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,45	0,26			- Quyết định chủ trương đầu tư số 4239/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu; - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
60	Trạm kiểm lâm Cù Đĩnh	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
61	Trạm kiểm lâm suối Linh	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
62	Trạm kiểm lâm cửa rừng Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
63	Trạm Kiểm lâm Bàu Điền	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
64	Trạm kiểm lâm Bà Cai	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
65	Trạm kiểm lâm Cơ Động	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
66	Trạm kiểm lâm cửa rừng Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
67	Trạm kiểm lâm cửa rừng Rang Rang	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
68	Trạm kiểm lâm cửa rừng Suối Trau	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,20			0,20	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai; QĐ số 4019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
69	Trạm kiểm lâm Đakinde	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,30			0,30	Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án xây dựng 06 nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát cửa rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai
70	Hệ thống thoát nước Khu công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,80	0,35			Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
71	Đường Ông Thanh	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,30	0,26			Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
72	Mỏ đá Thiện Tân 3	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	16,17	5,93			Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2020 huyện Vĩnh Cửu; Văn bản số 60/2020/KH-HH ngày 12/9/2020 của Công ty TNHH Hoàng Hải vv Đăng ký KHSĐĐ năm 2021; giấy phép khai thác khoáng sản số 1633/GP-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh
73	Mỏ đá Thiện Tân 2	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	10,26	9,39			Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2020 huyện Vĩnh Cửu; Văn bản số 343/VLXD-KSCL ngày 25/8/2020 vv Đăng ký KHSĐĐ năm 2021 (Mỏ đá Thiện Tân 2); Giấy phép khai thác khoáng sản số 1362/GP-UBND ngày 28/5/2015 của UBND tỉnh
74	Mỏ đá Thiện Tân 4	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,24	0,24			Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2020 huyện Vĩnh Cửu; Văn bản số 149/KS 623 ĐN vv cập nhật kế hoạch sử dụng đất; Giấy phép khai thác khoáng sản số 2527/GP-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh
II. Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân								

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Thành	các xã, thị trấn	5,00	5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	các xã, thị trấn	35,00	35,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Long Thành	các xã, thị trấn	3,00	3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Xã, thị trấn		3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		50,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
6	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		9,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
8	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã, thị trấn		15,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhon Trạch	Các xã	15,00	15,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
10	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Nhon Trạch	các phường, xã	6,00	6,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
11	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	các xã, thị trấn		4,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		1,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã		20,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
14	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã		4,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	3,00	3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã	20,00	20,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã	40,00	40,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã	2,00	2,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã	3,00	3,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
20	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		7,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
21	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		11,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
24	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	các phường, xã	35,83	35,83			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Long Khánh	các phường, xã	5,70	5,70			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
27	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Long Khánh	các phường, xã	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	các phường, xã	8,00	8,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác	Long Khánh	các phường, xã	20,00	20,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Long Khánh	các phường, xã	7,00	7,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
31	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa			5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
32	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Biên Hòa	các phường, xã		5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	4,30	4,30			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
34	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn	30,00	30,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
36	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn	8,00	8,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Vĩnh Cửu	các xã, thị trấn	2,00	2,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích KH (ha)	Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ	Diện tích sử dụng đất rừng đặc dụng	
42	Chuyển mục đích từ đất lúa sang cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Vĩnh Cửu	các xã, thị trấn	4,00	4,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
43	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	các xã, thị trấn	100,00	100,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
44	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	30,00	30,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
45	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn	10,00	10,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
46	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn	16,34	16,34			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương
47	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã	5,00	5,00			Nhu cầu thực tế chuyển mục đích của địa phương

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHƯA TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ XUẤT HỦY

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
1	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,60	144	2015
2	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,08	21	2016
3	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	Long Khánh	Xuân An	0,03	21	2016
4	Mở rộng trường Tiểu học Hiệp Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	38	2017
5	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	38	2017
6	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20	38	2017
7	Trụ sở công an xã	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,20	38	2017
8	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	Định Quán	Phú Túc	0,16	38	2017
9	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	0,44	38	2017
10	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,30	91	2018
11	Trụ sở kho bạc	Định Quán	TT.Định Quán	0,13	91	2018
12	Trạm y tế thị trấn Long Thành	Long Thành	TT.Long Thành	0,10	91	2018
13	Trường THCS Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	1,20	91	2018
14	Trường MN Phú Lý (tách trường)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,00	91	2018
15	Trường Tiểu học Bàu Phụng	Vĩnh Cửu	Phú Lý	1,24	91	2018
16	Trạm y tế xã Lang Minh	Xuân Lộc	Lang Minh	0,08	113	2018
17	Đầu tư xây dựng bờ kè sông Đồng Nai	Biên Hòa	Hiệp Hòa	1,55	144	2015
18	Đường liên ấp 2,3,4	Trảng Bom	An Viễn	1,80	144	2015
19	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	183	2016
20	Đường số 11	Trảng Bom	An Viễn	0,12	38	2017
21	Lắp dựng cầu ghềnh cũ	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,10	113	2018
22	Trạm viễn thông	Biên Hòa	Tam Phước	0,04	91	2018
23	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Suối Nho	0,05	91	2018
24	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán Gia Canh	0,78	91	2018
25	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Túc Trung	0,06	91	2018
26	Đường nội đồng tổ 2	Long Khánh	Xuân Tân	0,70	91	2018
27	Đường số 3 nối dài đi Phú Bình	Long Khánh	Xuân Tân	1,24	91	2018
28	Nâng cấp đường số 10, ấp 4, xã An Viễn	Trảng Bom	An Viễn	0,30	91	2018
29	Đường dây 220KV Sông Mây - Tam Phước	Trảng Bom	Bình Minh	0,07	91	2018
30	Trạm cấp nước sạch	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,10	91	2018
31	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,18	91	2018
32	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh, Xuân Tâm	11,50	91	2018
33	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,10	144	2015
34	Khu tái định cư 3	Định Quán	TT.Định Quán	11,70	183	2016
35	Chi hội Tin Lành Cẩm Đường	Long Thành	Cẩm Đường	0,12	21	2016
36	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5a	Tân Phú	Đắc Lua	0,10	38	2017
37	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,20	38	2017
38	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nhị Hòa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,06	91	2018
39	Văn phòng ấp Nhất Hòa 2	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,12	91	2018
40	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP2A	Biên Hòa	Long Bình	0,03	91	2018
41	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4	Biên Hòa	Tân Tiến	0,04	91	2018
42	Văn phòng khu phố 3A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
43	Văn phòng khu phố 2A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
44	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4B	Biên Hòa	Trảng Dài	0,02	91	2018
45	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP4A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
46	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP5A	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018
47	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Trảng Dài	0,05	91	2018
48	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp khu phố 4C	Biên Hòa	Trảng Dài	0,03	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
49	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	Gia Canh	1,93	91	2018
50	Viện Chuyên Tu	Long Thành	Lộc An	0,91	91	2018
51	Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm	Long Thành	Phước Thái	0,03	91	2018
52	Nhà máy cấp nước Bình Hòa	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,16	91	2018
53	Nhà máy cấp nước Bình Lợi	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,37	91	2018
54	Nhà máy cấp nước Tân Bình	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20	91	2018
55	Giáo xứ Chà Rang	Xuân Lộc	Suối Cao	1,17	91	2018
56	Trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Xuân Lộc	Xuân Lộc	Suối Cát	0,46	91	2018
57	Hội thánh Cao đài Tây Ninh	Xuân Lộc	Suối Cát	0,28	91	2018
58	Khu dân cư theo quy hoạch của Cty TNHH Quản lý tài sản Phúc Thịnh	Long Thành	Phước Bình	5,81	144	2015
59	Khu dân cư phường Tân Tiến (khu đất Cty Đồng Tiến)	Biên Hòa	Tân Tiến	0,84	183	2016
60	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Long Tân	22,28	57	2017
61	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phước An	43,20	57	2017
62	Khu nuôi tôm siêu thâm canh do Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư.	Nhon Trạch	Phước An	51,00	57	2017
63	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Đinh Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,90	91	2018
64	Khu dân cư số 58	Biên Hòa	Tân Hòa	2,85	91	2018
65	Khu dân cư, thương mại và chợ ngã ba Gia Canh	Định Quán	TT.Định Quán	19,83	91	2018
66	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Bưng Môn)	Long Thành	Long An	11,80	91	2018
67	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư dọc trục 25B, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Long An	60,00	91	2018
68	Khu đất đầu tư BT(khu TĐC Long Đức, dự án đường vào KCN Long Đức GD2)	Long Thành	Long Đức	25,00	91	2018
69	Khu đất đầu tư BT (khu dân cư Tân Hiệp, dự án đường Trần Phú)	Long Thành	Tân Hiệp	30,00	91	2018
70	Khu đất đầu tư BT (dự án đường Trần Phú)	Long Thành	TT.Long Thành	33,85	91	2018
71	Khu đất đầu tư BT(khu đất huyện đội cũ, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	TT.Long Thành	0,75	91	2018
72	Mở rộng Trường Bùi Thị Xuân	Biên Hòa	Tân Tiến	1,30	144	2015
73	Bia tường niệm kết hợp công viên văn hóa	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,14	91	2018
74	Trung tâm VH-TT, HTCĐ TT.Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	91	2018
75	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,00	91	2018
76	Đường Bùi Văn Hòa	Biên Hòa	An Bình, Long Bình, Long Bình Tân, Bình Đa	15,59	91	2018
77	Gia cố bờ sông Đồng Nai (đoạn từ P.Tân Mai đến giáp KCN Biên Hòa I)	Biên Hòa	An Bình, Tân Mai, Tam Hiệp	0,84	91	2018
78	Dự án tuyến thoát nước khu phố 13	Biên Hòa	Hố Nai	0,02	91	2018
79	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,70	91	2018
80	Đường song hành xa lộ Hà Nội	Biên Hòa	Tam Hòa, Tân Hiệp, An Bình, Bình Đa	10,63	91	2018
81	Đường đầu nối từ ấp Long Đức 3 đến đường Phùng Hưng (đoạn từ công ty CP Tổ hợp SaDo ra đường Phùng Hưng)	Biên Hòa	Tam Phước	1,36	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
82	Dự án thoát nước và xử lý nước thải - nhánh suối Săn Máu	Biên Hòa	Tân Biên, Tân Hòa, Hồ Nai	8,00	91	2018
83	Đường Trương Quyền	Biên Hòa	Tân Mai	0,33	91	2018
84	Đường Bắc Sơn - Long Thành	Các huyện	Tam Phước, An Viễn, Bình An, Long Đức	49,70	91	2018
85	Trạm nước sạch làng dân tộc ấp 4	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	0,01	91	2018
86	Hồ chứa nước Gia Đức	Thống Nhất	Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh	45,00	91	2018
87	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tân Phú	Tà Lài	0,09	38	2017
88	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tân Phú	Tà Lài	0,06	38	2017
89	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP3	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,01	91	2018
90	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc KP1	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02	91	2018
91	Văn phòng khu phố 3	Biên Hòa	Tân Tiến	0,01	91	2018
92	Nghĩa trang xã Phú Lộc	Tân Phú	Phú Lộc	1,77	91	2018
93	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 2)	Tân Phú	Tà Lài	0,10	91	2018
94	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (mở rộng)	Tân Phú	Tà Lài	0,02	91	2018
95	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Kim	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05	91	2018
96	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,51	91	2018
97	Giáo xứ Gia Ray	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,53	91	2018
98	KDC Phước An (1) - (Công ty cổ phần Căn Nhà Mơ Ước)	Nhơn Trạch	Phước An	45,86	91	2018
99	Khu dân cư Quang Trung	Thống Nhất	Quang Trung	69,00	91	2018
100	Trung tâm dịch vụ và khu nhà ở công nhân phục vụ KCN Sông Mây, Hồ Nai	Trảng Bom	Hồ Nai 3	72,00	91	2018
101	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hòa	96,70	91	2018
102	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	58,00	91	2018
103	Mở rộng khách sạn Hòa Bình	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,06	91	2018
TỔNG				841,23		

PHỤ LỤC V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG ĐỀ XUẤT HỦY

(Danh mục đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 03 năm (2015, 2016, 2017, 2018))

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
1	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	0,04	-	-	21	2016
2	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,20	0,20	-	-	183	2016
3	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	Biên Hòa	Phước Tân	0,03	0,03	-	-	91	2018
4	Trung tâm VH-TT, HTCĐ TT.Định Quán	Định Quán	TT. Định Quán	0,10	0,10	-	-	91	2018
5	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,06	0,06	-	-	91	2018
6	Đường Bình Lợi - Thiện Tân (Cây Cóc)	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,12	0,12	-	-	91	2018
7	Tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,60	0,57	-	-	113	2018
8	Dự án Khu dân cư hai bên đường Bảo Hoà - Long Khánh	Xuân Lộc	Bảo Hoà	6,67	6,67	-	-	91	2018
9	Dự án Khu dân cư 2 bên đường Lê Duẩn - Nguyễn Văn Cừ	Xuân Lộc	TT Gia Ray	0,41	0,41	-	-	91	2018
10	Chi hội tin lành Xuân Thọ	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,52	0,52	-	-	91	2018
11	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Định Quán	Phú Hòa	0,40	0,06	-	-	144	2015
12	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,56	0,29	-	-	144	2015
13	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	4,90	-	-	183	2016
14	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	0,06	-	-	38	2017
15	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa; Long Bình Tân	2,22	2,22	-	-	91	2018
16	Khu dân cư số 95 (Cty Thiên Lộc)	Biên Hòa	Bửu Long, Quang Vinh, Tân Phong	1,62	1,62	-	-	91	2018
17	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	1,85	1,85	-	-	91	2018
18	Khu dân cư số 106	Biên Hòa	Hóa An	0,58	0,58	-	-	91	2018
19	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 1 - Cty cổ phần Định Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,48	0,48	-	-	91	2018
20	Đường liên xã Gia Canh - Thị trấn Định Quán	Định Quán	TT.Định Quán, Gia Canh	0,06	0,06	-	-	91	2018
21	Tuyến kênh cấp 2 nội đồng Hồ Gia Mãng	Xuân Lộc	Xuân Hiệp, Lang Minh, Xuân Tâm	2,51	2,51	-	-	91	2018
22	Chùa Linh Phú	Tân Phú	Phú Sơn	1,43	-	0,09	-	91	2018
TỔNG CỘNG				30,26	23,35	0,09	-		

PHỤ LỤC VI

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐÃ QUÁ 3 NĂM ĐỀ XUẤT TIẾP TỤC ĐƯỢC CHUYỂN TIẾP

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
1	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bất Tử Long làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Đại Phước	0,57	166	2015
2	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,50	166	2015
3	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	Nhon Trạch	Long Thọ	0,04	144	2015
4	Kênh mương Hồ Gia Măng	Xuân Lộc	Các xã	15,00	144	2015
5	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Quang	Long Khánh	Hàng Gòn	0,05	38	2017
6	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	38	2017
7	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	Long Khánh	Phú Bình	0,05	38	2017
8	Trường TH Long Bình Tân 2	Biên Hòa	Long Bình Tân	1,18	91	2018
9	Trường MN Quang Vinh (vị trí hạt duy tu cũ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,76	91	2018
10	Mở rộng trụ sở UBND tỉnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,07	91	2018
11	Trung tâm VH-TT phường Tân Biên (Khu vui chơi giải trí kết hợp sân bãi tập luyện TDTT - hồ bơi trẻ em)	Biên Hòa	Tân Biên	0,38	91	2018
12	Trung tâm Công tác xã hội tổng hợp	Biên Hòa	Tân Hiệp	2,88	91	2018
13	Trung tâm học tập cộng đồng phường Thanh Bình	Biên Hòa	Thanh Bình	0,12	91	2018
14	Trường TH Trảng Dài (Kp4)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,27	91	2018
15	Trường MN và TH Thanh Sơn điểm Cây Sao	Định Quán	Thanh Sơn	1,10	91	2018
16	Di tích danh thắng đá Ba Chông	Định Quán	TT.Định Quán	9,75	91	2018
17	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT.Định Quán	0,15	91	2018
18	Trường Mầm non Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,89	91	2018
19	Khu văn hóa - TDTT (tại khu đất thuộc bệnh viện đa khoa Long Khánh cũ)	Long Khánh	Xuân An	1,62	91	2018
20	Mở rộng trường MN 19/5 (Trường Mẫu giáo Xuân Lập)	Long Khánh	Xuân Lập	2,20	91	2018
21	Trường TH Phú Thạnh (mở rộng)	Nhon Trạch	Phú Thạnh	0,31	91	2018
22	Bệnh viện đa khoa huyện (Trung tâm y tế dự phòng huyện)	Nhon Trạch	Phước An	5,00	91	2018
23	Trường THPT Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	2,00	91	2018
24	Trường MG Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,10	91	2018
25	Trường TH Bán trú	Xuân Lộc	TT Gia Ray	1,20	91	2018
26	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chúa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,12	91	2018
27	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	166	2015
28	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	46,10	144	2015
29	Hồ Cà Ròn và hệ thống kênh thủy lợi	Định Quán	Gia Canh	174,00	144	2015
30	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	P. X.Bình, X.An, X.Hòa, X.Trung	0,05	144	2015
31	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,18	144	2015
32	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	Long Khánh	Xuân Trung	0,65	144	2015
33	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	Nhon Trạch	Phú Hội	1,12	144	2015
34	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 3	Nhon Trạch	Phú Hữu	42,70	144	2015
35	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	183	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
36	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	Định Quán	Ngọc Định	0,68	183	2016
37	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	Định Quán	Phú Túc	0,65	183	2016
38	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (gđ1)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	21	2016
39	Đ. Suối Chồn - Bầu Cối (nâng cấp, mở rộng)	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang	11,38	21	2016
40	Đường CMT8 (ND)	Long Khánh	X.An, X.Hòa	5,71	183	2016
41	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	5,61	21	2016
42	Trạm 110kV khu đô thị Long Hưng và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	38	2017
43	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Các huyện	Xuân Đông	1,14	38	2017
44	Hồ Thoại Hương	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	50,00	38	2017
45	Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	Định Quán	Thanh Sơn	6,40	38	2017
46	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,28	57	2017
47	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhon Trạch	Nhon Trạch	Phú Thạnh	0,03	57	2017
48	Dự án xây dựng dịch vụ hàng hải khu vực Cảng biển Nhóm 5 Nhon Trạch do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Thạch làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phước Khánh	25,42	57	2017
49	Cải tạo tăng công suất tải đường dây 110kV từ TBA 500kV Sông Mây - TBA 110kV Bắc Sơn (đoạn số 1) và từ TBA 110 Bắc Sơn - TBA 110kV Tân Hòa	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,03	38	2017
50	Đường vào trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	0,16	91	2018
51	Trạm BA 220 kV Tam Phước	Biên Hòa	Phước Tân	4,30	91	2018
52	Đoạn kết nối hạ tầng giữa giai đoạn 1 và giai đoạn 2 khu công nghiệp Hồ Nai	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình	0,45	91	2018
53	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	33,38	91	2018
54	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt áp 3	Định Quán	Gia Canh	0,05	91	2018
55	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt áp 9	Định Quán	Gia Canh	0,05	91	2018
56	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	La Ngà	0,05	91	2018
57	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Ngọc Định	0,05	91	2018
58	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Cường	0,05	91	2018
59	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Hòa	0,60	91	2018
60	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Lợi	0,05	91	2018
61	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt	Định Quán	Phú Ngọc	0,05	91	2018
62	Đường nối cụm công nghiệp Phú Túc đi TL763 (thuộc dự án khu TĐC xã Phú Túc)	Định Quán	Phú Túc	7,22	91	2018
63	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt áp 1	Định Quán	Thanh Sơn	0,05	91	2018
64	Trạm trung chuyển chất thải sinh hoạt áp 7	Định Quán	Thanh Sơn	0,05	91	2018
65	Hồ Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	86,50	91	2018
66	Đường song hành 21/4, đoạn qua khu phân lô tại ấp Núi Tưng, xã Suối Tre	Long Khánh	Suối Tre	1,80	113	2018
67	Đường QL1 - Xuân Lập (Đoạn từ đường 21/4 đến đường số 4 xã Suối Tre)	Long Khánh	Suối Tre	1,97	91	2018
68	Bến thủy nội địa Vĩnh Tân mở rộng	Nhon Trạch	Long Tân	4,06	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
69	Tuyến ống cấp nước từ Quốc lộ 51 đến khu Công nghiệp Nhơn Trạch 6	Nhơn Trạch	Long Thọ	2,00	113	2018
70	Cảng tổng hợp Phú Hữu	Nhơn Trạch	Phú Hữu	40,59	113	2018
71	Lộ ra 110kV máy 2 trạm 220kV Bàu Sen	Nhơn Trạch	Phú Thạnh, Vĩnh Thạnh, Phước An	0,40	91	2018
72	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	46,20	91	2018
73	Điểm truy cập thông tin khoa học công nghệ	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,01	113	2018
74	Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối ĐT769	Thống Nhất	Xuân Thạnh	5,30	91	2018
75	Trạm biến áp 110kV Xuân Tâm và đấu nối	Xuân Lộc	Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Xuân Phú, Suối Cát	1,01	91	2018
76	Nhà văn hóa khu phố 6	Long Khánh	Xuân An	0,03	144	2015
77	Nhà văn hóa khu phố 2	Long Khánh	Xuân An	0,01	144	2015
78	Nhà văn hóa khu phố 5	Long Khánh	Xuân Hòa	0,06	144	2015
79	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thạnh	0,02	144	2015
80	Nhà văn hóa khu phố 4	Long Khánh	Xuân Thạnh	0,02	144	2015
81	Khu Tái định cư Long Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	21,00	144	2015
82	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,04	144	2015
83	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,02	183	2016
84	Khu dân cư phục vụ tái định cư ấp Ông Hoàng	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,60	183	2016
85	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phú Đông	1,96	38	2017
86	Nghĩa địa ấp Lò Than	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,30	91	2018
87	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	91	2018
88	Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm)	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,77	91	2018
89	Giáo xứ Xuân Quế	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35	91	2018
90	Chợ Phú Vinh	Định Quán	Phú Vinh	0,20	91	2018
91	Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	Định Quán	TT.Định Quán	0,52	91	2018
92	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng ấp Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04	91	2018
93	Niệm phật đường Quan Thế Âm	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,34	91	2018
94	Sân bóng đá huyện	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,90	91	2018
95	Khu dân cư lấn sông (Cty Cổ phần ĐTKT_XD Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Quyết Thắng	8,40	144	2015
96	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	20,00	144	2015
97	Khu đô thị du lịch Đại Phước	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,00	144	2015
98	Khu dân cư Long Tân (1)	Nhơn Trạch	Long Tân	95,00	144	2015
99	Khu dân cư Long Thọ - Phước An	Nhơn Trạch	Long Thọ, Phước An	40,00	144	2015
100	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Phú Hữu	4,45	144	2015
101	Trung tâm Hành chính - Văn hóa - Thể thao kết hợp chợ, phố chợ	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	48,18	144	2015
102	Khu dân cư và trạm kinh doanh xăng dầu - Cty Cổ phần Đồng Tiến	Biên Hòa	Tân Tiến	2,74	21	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
103	Khu dân cư số 3, Trung tâm huyện	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,21	183	2016
104	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Long Tân	9,50	21	2016
105	Khu dân cư tạo vốn đường từ cầu Bửu Hòa đến QL1K (dự án BT)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,00	38	2017
106	Cụm Công nghiệp Bàu Trâm (Sản xuất gạch không nung)	Long Khánh	Bàu Trâm	0,27	57	2017
107	Đô thị du lịch xã Đại Phước(Tín Nghĩa)	Nhon Trạch	Đại Phước	20,00	38	2017
108	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Khang Việt Hưng làm chủ đầu tư.	Nhon Trạch	Long Tân	46,50	57	2017
109	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Đông	3,29	57	2017
110	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhon Trạch	Phú Thạnh	8,16	38	2017
111	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhon Trạch	Phước Thiện	9,90	38	2017
112	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn	Nhon Trạch	Phước Thiện	16,18	57	2017
113	Cụm công nghiệp Phú Thạnh	Tân Phú	Phú Thạnh	30,00	57	2017
114	Khu dân cư số 13 (Cty cổ phần An Bình)	Biên Hòa	An Bình	3,02	91	2018
115	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	0,13	91	2018
116	Khu dân cư Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,40	113	2018
117	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	2,60	91	2018
118	Khu dân cư số 85 (Cty Nhị Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	4,70	91	2018
119	Trung tâm thương mại và dân cư Long Khánh	Long Khánh	Xuân Bình	0,50	113	2018
120	Khu dân cư đô thị mới Bình Sơn (thu hồi thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất)	Long Thành	Bình Sơn, Lộc An	555,23	113	2018
121	Khu dân cư thương mại kết hợp TMDV cấp vùng (Cty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng)	Nhon Trạch	Long Tân	88,41	91	2018
122	Khu dân cư Long Tân (Khang Việt Hưng)	Nhon Trạch	Long Tân	46,52	91	2018
123	Khu nhà ở xã hội tại xã Phước An (Cty CP Lắp máy Điện nước và xây dựng)	Nhon Trạch	Phước An	2,12	91	2018
124	Khu dân cư Phước An 6 (Bảo Giang)	Nhon Trạch	Phước An	70,00	91	2018
125	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang) phần mở rộng từ 9,9 ha theo KH duyệt lên 11,9 ha	Nhon Trạch	Phước Thiện	2,00	91	2018
126	Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ (Cty Địa ốc Long Đăng)	Nhon Trạch	Phước Thiện	8,20	91	2018
127	Khu dân cư Phước Thiện (1) (Địa ốc Sài Gòn)	Nhon Trạch	Phước Thiện, Phú Hội	16,27	91	2018
128	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Cty Địa ốc Phú Nhuận)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	46,09	91	2018
129	Khu dân cư (công ty Tân Đông Dương)	Trảng Bom	Hố Nai 3	2,48	91	2018
130	Khu dân cư (Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú, Tân Bình	38,77	91	2018
131	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Jico	Long Thành	Long Đức	9,75	91	2018
132	Trường TH Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	1,00	166	2015
133	Bảo tồn lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Biên Hòa	Trung Dũng	0,58	166	2015
134	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20	144	2015
135	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	Long Khánh	Bảo Quang	0,20	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
136	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	144	2015
137	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	144	2015
138	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,25	144	2015
139	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	183	2016
140	Trường MN Tam An	Long Thành	Tam An	1,00	183	2016
141	Trụ sở công an xã Xuân Thiện	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,19	183	2016
142	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,21	38	2017
143	Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	1,00	38	2017
144	Trường THCS Long Thọ 2	Nhon Trạch	Long Thọ	1,09	57	2017
145	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhon Trạch	Long Thọ	1,07	57	2017
146	Giếng khoan quan trắc (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28)	Xuân Lộc	Các xã	0,12	38	2017
147	Giếng khoan quan trắc (NB-19AB; NB-22AB)	Xuân Lộc	Các xã	0,04	38	2017
148	Trường MN Tân Hạnh	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,82	91	2018
149	Trường TH Tân Hiệp (mới)	Biên Hòa	Tân Hiệp	1,48	91	2018
150	Trường Mẫu giáo Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,55	91	2018
151	Trường TH Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,83	91	2018
152	Trường MN công lập (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,55	91	2018
153	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	4,43	91	2018
154	Trường MN Sen Hồng	Định Quán	Suối Nho	0,33	91	2018
155	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,15	91	2018
156	Mở rộng Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Long Khánh	Bàu Trâm	0,45	91	2018
157	Mở rộng trường THCS Phú Hội	Nhon Trạch	Phú Hội	0,70	113	2018
158	Trụ sở BCHQS xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,08	91	2018
159	Trường Mẫu giáo xã Lộ 25	Thống Nhất	Lộ 25	0,30	113	2018
160	Trường mầm non Quang Trung B	Thống Nhất	Quang Trung	0,14	113	2018
161	Trường MN Phú Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,25	91	2018
162	Trụ sở công an Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,20	91	2018
163	Nhà công vụ giáo viên tại Xuân Định	Xuân Lộc	Xuân Định	0,50	91	2018
164	Dự án mở rộng đường Trương Định (khu vực mũi tàu)	Biên Hòa	Tân Mai	0,10	166	2015
165	Mở rộng đường Lưu Văn Việt	Biên Hòa	Tân Tiến	0,70	144	2015
166	Đường liên cảng	Nhon Trạch	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	94,55	144	2015
167	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,78	144	2015
168	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	Nhon Trạch	Hiệp Phước	0,32	144	2015
169	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhon Trạch 6 - Nhon Trạch 3 - Long Thành	Nhon Trạch	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10	166	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
170	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	43,66	144	2015
171	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	15,04	144	2015
172	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	166	2015
173	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhon Trạch	Phú Hữu	33,72	144	2015
174	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	Nhon Trạch	Phước An	6,50	144	2015
175	Đường vào KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44	144	2015
176	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	166	2015
177	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhon Trạch	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22	166	2015
178	Hệ thống cấp nước Nhon Trạch (giai đoạn 2)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26	144	2015
179	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương dẫn nước	Tân Phú	Phú Thanh	8,10	144	2015
180	Đường N1	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,60	144	2015
181	Đường D6	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	144	2015
182	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL 1A	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	144	2015
183	Đường D6 nối dài đoạn từ đường Lý Nam Đế đến hết tuyến (giáp sân Golf)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,10	144	2015
184	Hệ thống thoát nước khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình Tân	18,00	183	2016
185	Đường ven sông Cái	Biên Hòa	Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	29,30	183	2016
186	Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây.	Long Thành	các xã, thị trấn	13,00	183	2016
187	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	Nhon Trạch	Long Tân, Phước Thiên, Phú Hội	0,03	21	2016
188	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,10	21	2016
189	Đường Phú An - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú An, Thanh Sơn	0,34	21	2016
190	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	Tân Phú	Phú Xuân, Thanh Sơn	0,61	21	2016
191	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	21	2016
192	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú -Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	3,00	21	2016
193	Đường Nguyễn Tri Phương	Biên Hòa	Bửu Hòa	2,63	57	2017
194	Đường vào Nhà tang lễ	Biên Hòa	Bửu Long	0,37	38	2017
195	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	38	2017
196	Đường vào Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,33	38	2017
197	Trạm biến áp 110Kv Giang Điền và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	0,27	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
198	Đường vào THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	0,23	38	2017
199	Tuyến đường kết nối vào khu nhà ở kết hợp du lịch (đường D6 và D35) phường Tân Vạn - Công ty Tín Nghĩa Á Châu	Biên Hòa	Tân Vạn	7,88	38	2017
200	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	38	2017
201	Đường dây 110 kV Vĩnh An - Định Quán 2	Các huyện	các xã	0,63	38	2017
202	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50	38	2017
203	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây đầu nối	Định Quán	La Ngà	0,64	38	2017
204	Trạm bơm áp 7 và kênh tưới Phú Tân	Định Quán	Phú Tân	2,02	38	2017
205	Hệ thống tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	Long Khánh	các xã	1,00	38	2017
206	Đường Phước Bình	Long Thành	các xã	3,27	38	2017
207	Đường be 29 đoạn từ km0+00 đến km 3+560 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Thanh	0,64	38	2017
208	Đường Trương Công Định	Tân Phú	TT Tân Phú, Trà Cỏ	0,77	38	2017
209	Đường 29/4 (đoạn trước NT cao su)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,40	38	2017
210	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,50	38	2017
211	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng Hoàng đến QL 1A)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,55	38	2017
212	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	0,36	38	2017
213	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thị Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	0,53	91	2018
214	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	19,66	91	2018
215	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,35	91	2018
216	Gia cố bờ trái sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến trạm xử lý nước thải số 2)	Biên Hòa	Thống Nhất, Quyết Thắng	0,84	91	2018
217	Đường Cách Mạng Tháng 8	Định Quán	TT.Định Quán	2,14	91	2018
218	Kiên cố hạ lưu Suối Cài (chống ngập úng khu vực Suối Cài)	Long Khánh	Các phường, xã	22,08	91	2018
219	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	3,50	91	2018
220	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT.Long Thành	3,40	91	2018
221	Dự án Cảng tổng hợp	Nhon Trạch	Phú Hữu, Đại Phước	69,20	113	2018
222	Bờ kè sông Vàm Mương- Lòng Tàu	Nhon Trạch	Phước Khánh	1,40	91	2018
223	Đường từ QL 20 vào Trung tâm Mục vụ Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,98	91	2018
224	Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi Núi Cúi	Thống Nhất	Gia Tân 1	3,20	91	2018
225	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	300,55	91	2018
226	Đường nội bộ khu tái định cư	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,46	113	2018
227	Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	1,14	113	2018
228	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Vĩnh Cửu	Trị An	0,05	91	2018
229	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	144	2015
230	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	144	2015

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
231	Nghĩa trang Thanh Sơn	Định Quán	Thanh Sơn	2,40	144	2015
232	Chùa Long Hương	Nhon Trạch	Long Tân	0,96	144	2015
233	Nhà văn hoá trên địa bàn 4 ấp thuộc xã Vĩnh Thanh	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,20	144	2015
234	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm I (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thạnh	0,22	144	2015
235	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05	144	2015
236	Khu tái định cư	Trảng Bom	TT.Trảng Bom	1,45	144	2015
237	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	Long Khánh	Hàng Gòn	47,49	21	2016
238	Chùa Vĩnh Giác	Tân Phú	Phú An	0,80	21	2016
239	Niệm phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	183	2016
240	Nhà Văn hóa Hòa Bình	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,04	38	2017
241	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	38	2017
242	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	0,03	38	2017
243	Khu dân cư và tái định cư số 27 (Cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	28,60	91	2018
244	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,87	91	2018
245	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 71	Biên Hòa	Tân Vạn	3,59	91	2018
246	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	3,78	91	2018
247	Khu tái định cư (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,73	91	2018
248	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT.Định Quán	1,00	91	2018
249	Khu dân cư tái định cư	Thống Nhất	Lộ 25	25,00	91	2018
250	Chợ Phú Lý	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,00	91	2018
251	Khu dân cư (Công ty Đồng Thuận)	Biên Hòa	Phước Tân	10,40	144	2015
252	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (1)	Nhon Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	64,13	144	2015
253	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Long Tân	35,00	144	2015
254	Khu dân cư thương mại	Nhon Trạch	Long Tân, Phú Hội	9,90	144	2015
255	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Văn Lang làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Hội	4,00	166	2015
256	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Hội	4,00	166	2015
257	Khu dân cư	Nhon Trạch	Phú Hữu	56,00	144	2015
258	KDC Cty cổ phần Nhon Trạch	Nhon Trạch	Phú Thạnh	90,00	144	2015
259	KDC Phước Thiện	Nhon Trạch	Phước Thiện	35,00	144	2015
260	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	144	2015
261	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	144	2015
262	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền, Đồi 61, Quảng Tiến	50,00	166	2015
263	Khu dân cư An Hòa 3 (Bàn giao khu gia đình Quân nhân Trường Sĩ quan Lục quân II)	Biên Hòa	An Bình	2,40	21	2016
264	Khu nhà ở biệt thự và khu tái định cư Núi Dông Dài	Biên Hòa	Phước Tân	154,62	183	2016

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
265	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	771,00	183	2016
266	Khu dân cư nhà ở Phú Thuận Lợi (Cty CP Địa ốc Phú Thuận Lợi)	Biên Hòa	Tam Phước	19,10	183	2016
267	Cụm CN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00	183	2016
268	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	Nhon Trạch	Đại Phước	4,50	21	2016
269	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	Nhon Trạch	Vĩnh Thanh	25,00	21	2016
270	Cụm CN Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	38	2017
271	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	38	2017
272	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT.Long Thành	4,60	38	2017
273	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	Nhon Trạch	Phú Hội	34,04	57	2017
274	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	Nhon Trạch	Phú Hội Long Tân	9,99	57	2017
275	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhon Trạch	Phước Thiện	43,48	38	2017
276	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	54,80	57	2017
277	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	20,69	38	2017
278	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	63,15	38	2017
279	Khu dân cư số 86 (Cty Phú Gia)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,80	91	2018
280	Khu dân cư Long Tân (Cty CP Đầu tư Sao Mai)	Nhon Trạch	Long Tân	34,19	91	2018
281	Khu dân cư Lê Hương Sơn	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	7,00	91	2018
282	Xây dựng bia tường niệm liệt sỹ và trung tâm học tập công đồng	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,08	166	2015
283	Mở rộng Trường tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22	21	2016
284	Mở rộng trường Tiểu học Lê Lợi	Long Khánh	Suối Tre	0,22	21	2016
285	Trường mầm non Phú Trung	Tân Phú	Phú Trung	0,45	183	2016
286	Trường TH Võ Thị Sáu ấp 5 (mở rộng)	Định Quán	Suối Nho	1,00	38	2017
287	Trụ sở công an xã	Trảng Bom	Bình Minh	0,20	38	2017
288	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20	113	2018
289	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,32	91	2018
290	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	1,40	91	2018
291	Trường MN Tuổi Thơ điểm ấp 6 (phân hiệu 2)	Định Quán	Thanh Sơn	0,54	91	2018
292	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Túc Trưng	Định Quán	Túc Trưng	0,15	91	2018
293	Ban chỉ huy quân sự xã Bàu Sen	Long Khánh	Bàu Sen	0,04	91	2018
294	Ban chỉ huy quân sự xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20	91	2018
295	Trụ sở công an xã Hàng Gòn	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20	91	2018
296	Mở rộng Trường PTTH Trần Phú	Long Khánh	Suối Tre	0,62	91	2018
297	Mở rộng trường tiểu học Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,19	113	2018
298	Trường MN ấp 7 Phú Thịnh	Tân Phú	Phú Thịnh	0,56	91	2018
299	Trường MN Tà Lài (ấp 1)	Tân Phú	Tà Lài	0,69	91	2018
300	Trụ sở tòa án nhân dân huyện	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,37	91	2018
301	Trường Mẫu giáo Giang Điền	Trảng Bom	Giang Điền	0,30	113	2018
302	Trạm kiểm lâm địa bàn Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,06	91	2018
303	Trụ sở và nhà khách Khu bảo tồn Thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Mã Đà	7,10	91	2018
304	trường MN Bình Minh và đường vào	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,50	113	2018
305	Trường TH Nam Cao và đường vào	Trảng Bom	Trung Hòa	0,83	113	2018
306	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05	144	2015
307	Đường Hương Lộ 2 nối dài	Long Thành	Tam An	35,00	183	2016
308	Đường Xuân Bắc -Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	49,78	38	2017

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
309	Đường Phú Trung - Phú An	Tân Phú	Phú Trung, Phú An	7,31	38	2017
310	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	6,00	38	2017
311	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	8,29	91	2018
312	Trạm thu phí và Nhà điều hành trên đường vận chuyển khoáng sản	Biên Hòa	Phước Tân	1,16	91	2018
313	Đường dây 110 kV 4 mạch từ TC 110 kV trạm 220 kV Tam Phước đấu chuyên tiếp ĐZ 2 mạch Long Bình - Long Thành	Biên Hòa	Tam Phước	0,07	91	2018
314	Dự án kết nối từ đường Điều Xiển vào khu tập thể dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	0,02	113	2018
315	Trạm biến áp	Biên Hòa	Thống Nhất	0,50	91	2018
316	Đường xã hội hóa giao thông nông thôn (20 tuyến)	Cẩm Mỹ	Các xã	1,00	91	2018
317	Đường Ngô Quyền (Đoạn từ đường Duy Tân đến đường Thành Thái)	Long Khánh	Bảo Vinh	2,75	91	2018
318	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (mở rộng)	Long Khánh	Bình Lộc	2,79	91	2018
319	Trạm biến áp 110kV KCN Long Khánh và đấu nối	Long Khánh	Suối Tre, Xuân Trung	0,68	91	2018
320	Hồ chứa nước dự phòng	Long Khánh	Xuân Bình	0,05	91	2018
321	Đường Lý Thái Tô (Đoạn mở mới theo quy hoạch)	Long Khánh	Xuân Hòa	1,97	91	2018
322	Đường Phạm Lạc (D9-X.Thanh)	Long Khánh	Xuân Thanh	0,34	91	2018
323	Lộ ra 110KV trạm 220 KV An Phước	Long Thành	An Phước	0,15	91	2018
324	Hồ Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	86,60	91	2018
325	Đường Trần Phú	Long Thành	TT.Long Thành	9,20	91	2018
326	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đấu chuyên tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT.Long Thành	0,19	91	2018
327	Bến xe Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	0,20	91	2018
328	Đường vào cầu Đa-Huoi	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,12	91	2018
329	Trạm BA 110 kV Núi Tượng	Tân Phú	Núi Tượng	0,40	91	2018
330	Đường Lê Hồng Phong	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,78	113	2018
331	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	25,13	91	2018
332	Trạm biến áp 110 kV Tân An và đấu nối	Vĩnh Cửu	Tân An	0,62	91	2018
333	Cầu Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Trị An, Hiếu Liêm	1,00	91	2018
334	Trung tâm Văn hóa, thể thao và HTCD phường Xuân Trung	Long Khánh	Xuân Trung	0,13	21	2016
335	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	15,17	91	2018
336	Niệm Phật Đường Long Hưng	Biên Hòa	Long Hưng	0,40	91	2018
337	Hộ đạo Cao Đài Tân Hạnh (CĐTN)	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,37	91	2018
338	Nhà ở tái định cư số 60 (phục vụ mở rộng Giáo xứ Tân Lộc)	Biên Hòa	Tân Mai	0,09	91	2018
339	Giáo xứ Tân Lộc	Biên Hòa	Tân Mai	0,07	91	2018
340	Đình làng 2	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,10	91	2018
341	Hộ đạo Long Khánh (CĐTN)	Long Khánh	Bảo Vinh	0,08	91	2018
342	Chùa Bảo Sơn (cơ sở bảo trợ xã hội)	Long Khánh	Bàu Trâm	0,24	91	2018
343	Khu cây xanh dọc Suối Rết	Long Khánh	Xuân An; Xuân Hòa; Phú Bình	25,82	91	2018
344	Tịnh thất Từ Lâm	Long Khánh	Xuân Bình	0,10	91	2018
345	Nhà văn hoá ấp Nông Doanh	Long Khánh	Xuân Tân	0,05	91	2018
346	Khu tái định cư Long An	Long Thành	Long An	2,35	91	2018
347	Khu tái định cư Long Đức	Long Thành	Long Đức	14,00	91	2018
348	Giáo xứ Đắc Lua (mở rộng)	Tân Phú	Đắc Lua	0,98	91	2018
349	Giáo xứ Tiên Lâm (GX. Xuân Lâm)	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,32	91	2018

STT	Tên dự án	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết	Năm
350	Chợ Phú Lập (mở rộng)	Tân Phú	Phú Lập	0,11	91	2018
351	Chùa Bửu Thiên	Tân Phú	Phú Lộc	0,66	91	2018
352	Nhà văn hóa ấp Phú Lâm 5 (mở rộng)	Tân Phú	Phú Sơn	0,04	91	2018
353	Giáo xứ Giang Lâm	Tân Phú	Phú Thanh	0,40	91	2018
354	Giáo xứ Hòa Lâm	Tân Phú	Phú Trung	1,43	91	2018
355	Tu xá thánh Phanxico	Trảng Bom	Thanh Bình	0,34	91	2018
356	Giáo xứ Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,43	91	2018
357	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	0,08	91	2018
358	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,28	91	2018
359	Giáo xứ Xuân Bình	Xuân Lộc	Bảo Hòa	0,15	91	2018
360	Chùa Phóng Sanh	Xuân Lộc	Làng Minh	0,40	91	2018
361	Giáo xứ Xuân Tôn	Xuân Lộc	Xuân Bắc	1,31	91	2018
362	Chi hội Hưng Xuân Tự	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,12	91	2018
363	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	91	2018
364	Giáo xứ Trảng Táo	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,68	91	2018
365	Giáo xứ Thọ Hòa	Xuân Lộc	Xuân Thọ	2,04	91	2018
366	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	144	2015
367	Khu dân cư An Thuận (mở rộng giai đoạn 2)	Long Thành	Long An	45,00	21	2016
368	Khu dân cư số 87 (cty Thánh Phong)	Biên Hòa	Trảng Dài	0,60	91	2018
369	Khu gia đình chiến sỹ quân khu 7	Long Khánh	Bảo Vinh	4,64	91	2018
370	Khu đất đầu tư BT (khu hầm đá, dự án xây dựng huyện đội mới)	Long Thành	An Phước	6,60	91	2018
371	Khu đất đầu tư BT (xí nghiệp nước đá cũ, dự án trường TH Tập Phước)	Long Thành	An Phước	0,87	91	2018
372	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	40,03	91	2018
373	Khu dân cư Công ty KTXDCB cao su khu 2	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,76	91	2018
374	Quỹ đất tạo vốn đầu tư dự án Xây dựng trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom, UBND xã Bắc Sơn; đường Nguyễn Tri Phương và đường Nguyễn Trãi, theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng BT	Trảng Bom	TT. Trảng Bom	8,50	91	2018
375	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	50,00	91	2018
376	Mỏ đá xây dựng Núi Nứa 2	Long Khánh	Xuân Lập	80,00	38	2017
TỔNG CỘNG				5.686,47		

PHỤ LỤC VII

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG ĐỀ XUẤT TIẾP TỤC ĐƯỢC CHUYỂN TIẾP

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
1	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	61,70	1,69	-	-	144	2015
2	Vùng chăn nuôi tập trung	Long Thành	Bàu Cạn	106,60	1,52	-	-	144	2015
3	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	0,31	-	-	144	2015
4	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	0,62	-	-	183	2016
5	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	6,00	1,60	-	-	21	2016
6	Làng nghề mây tre đan Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03	-	-	38	2017
7	Đô thị du lịch xã Đại Phước (Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,75	8,92	-	-	38	2017
8	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	0,28	-	-	57	2017
9	Trường THCS Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	0,80	-	-	57	2017
10	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	0,75	-	-	57	2017
11	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	5,50	-	-	38	2017
12	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,90	9,50	-	-	38	2017
13	Khu dân cư Long Bình Tân (Toàn Thịnh Phát)	Biên Hòa	Long Bình Tân	3,83	0,56	-	-	113	2018
14	Khu dân cư dự án số 7 (Cty TNHH TM và DV Lê Sơn Thịnh)	Biên Hòa	Tam Phước	0,35	0,35	-	-	91	2018
15	Nhà ở cao tầng kết hợp TMDV số 46 (Cty Văn Tiến Nghĩa)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,02	0,02	-	-	91	2018
16	Khu trung tâm thương mại - Dịch vụ - dân cư và phố đi bộ	Biên Hòa	Thống Nhất	0,80	0,80	-	-	91	2018
17	Làng nghề mây tre đan Gia Canh (sản xuất hàng mây, tre đan và sản phẩm đan lát, tết bện thủ công)	Định Quán	Gia Canh	0,03	0,03	-	-	91	2018
18	Trường THPT Định Quán (mở rộng)	Định Quán	TT. Định Quán	0,16	0,16	-	-	91	2018
19	Di tích danh thắng đá Ba Chông	Định Quán	TT. Định Quán	0,02	0,02	-	-	91	2018
20	Nạo vét và nâng cấp hành lang suối Reo	Thống Nhất	Các xã	4,80	4,80	-	-	91	2018
21	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45	-	-	91	2018
22	Văn phòng ban quản lý Di tích danh thắng núi Chúa chan	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,09	0,09	-	-	91	2018
23	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	4,00	-	-	166	2015
24	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	3,40	-	-	144	2015
25	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	0,12	-	-	144	2015
26	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhơn Trạch	Phú Hữu	33,72	0,41	-	-	144	2015

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
27	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,22	0,14	-	-	144	2015
28	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền	50,00	7,70	-	-	166	2015
29	Khu dân cư Thương mại dịch vụ	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	21,30	1,21	-	-	38	2017
30	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	0,51	-	-	38	2017
31	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	0,57	-	-	57	2017
32	Đường D9 (nối đường Võ Thị Sáu và đường Nguyễn Văn Hoa)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,87	0,32	-	-	38	2017
33	Cụm công nghiệp Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	0,51	-	-	38	2017
34	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	1,85	-	-	38	2017
35	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	TT. Long Thành	4,60	4,60	-	-	38	2017
36	Đường từ Huỳnh Văn Nghệ và bến đò Trạm phường Bửu Long (đường Ngô Thị Nhậm)	Biên Hòa	Bửu Long	0,29	0,29	-	-	91	2018
37	Đường ven sông Đồng Nai (từ cầu Hóa An đến ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	0,74	0,74	-	-	91	2018
38	Mở rộng Nhà máy nước Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	0,35	0,35	-	-	91	2018
39	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,06	0,06	-	-	91	2018
40	Dự án cải tạo cảnh quan môi trường xung quanh khu vực Hồ Điều Hòa	Biên Hòa	Quang Vinh	0,03	0,03	-	-	91	2018
41	Trường MN Tân Hạnh 2	Biên Hòa	Tân Hạnh	0,35	0,35	-	-	91	2018
42	Khu dân cư tái định cư phường Thống Nhất (gồm: khu TDC3, TDC4)	Biên Hòa	Thống Nhất	1,50	1,50	-	-	91	2018
43	Trung tâm hành chính công	Biên Hòa	Thống Nhất	0,16	0,16	-	-	91	2018
44	Trụ sở Ban CHQS xã	Định Quán	Ngọc Định	0,30	0,30	-	-	91	2018
45	Trung tâm hành chính xã Ngọc Định	Định Quán	Ngọc Định	2,28	2,28	-	-	91	2018
46	Trường MN Sen Hồng điểm chính	Định Quán	Suối Nho	0,12	0,12	-	-	91	2018
47	Khu tái định cư đường Lý Thái Tổ	Định Quán	TT. Định Quán	0,81	0,81	-	-	91	2018
48	Đường vào CCN Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	1,00	1,00	-	-	91	2018
49	TBA 220kv An Phước	Long Thành	TT. Long Thành	3,40	3,40	-	-	91	2018
50	Tổng kho trung chuyển miền Đông	Trảng Bom	Các xã	0,06	0,06	-	-	91	2018
51	Cụm Công nghiệp Xuân Hưng	Xuân Lộc	Xuân Hưng	0,34	0,34	-	-	91	2018
52	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	6,61	-	-	144	2015
53	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	Trảng Bom	các xã	21,02	0,77	-	-	144	2015

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết	Năm
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
54	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	130,16	0,03	-	-	38	2017
55	Khu nhà ở xã hội và TMDV số 68 (Cty Tín Nghĩa Á Châu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	0,94	0,94	-	-	91	2018
56	Mở rộng khu di tích danh thắng Chùa Bửu Phong	Biên Hòa	Bửu Long	1,20	1,00	-	-	113	2018
57	Đường Nguyễn Du	Biên Hòa	Bửu Long, Tân Phong, Quang Vinh	2,75	2,75	-	-	91	2018
58	Trường MN Tuổi Thơ điểm áp 6 (phân hiệu 1)	Định Quán	Thanh Sơn	0,04	0,04	-	-	91	2018
59	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV khu Công nghệ cao, Amata đầu chuyển tiếp ĐZ 2 mạch Long Thành - Tam Phước	Long Thành	TT. Long Thành	0,19	0,19	-	-	91	2018
60	Trụ sở UBND xã Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,02	0,02	-	-	91	2018
61	Khu dân cư nhà ở xã hội (điều chỉnh từ Cụm CN Hưng Thuận sang)	Trảng Bom	Hố Nai 3	6,64	6,64	-	-	91	2018
62	Cụm công nghiệp Trị An	Vĩnh Cửu	Trị An	1,30	1,30	-	-	91	2018
63	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Nhơn Trạch	Phước An	10,00	-	0,05	-	144	2015
64	Niên Phậ đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	-	1,66	-	183	2016
65	Mở rộng, đánh giá trữ lượng, diện tích mỏ đá Gia Canh 1 của Cty Mai Phong (Gia Canh - ĐQ.Đ2-3)	Định Quán	Gia Canh	0,31	-	0,31	-	91	2018
66	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao áp Phú Lâm 1	Tân Phú	Phú Sơn	0,12	-	0,12	-	91	2018
67	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	12,00	-	0,19	-	38	2017
68	Đường ven hồ Trị An	Vĩnh Cửu	Mã Đà	13,57	-	-	13,57	91	2018
69	Điểm du lịch sinh thái Bàu Nước Sôi	Định Quán	Gia Canh	10,03	1,96	8,07	-	91	2018
70	Đường Cao Cang (đoạn 3)	Định Quán	Gia Canh	3,05	0,89	1,67	0,49	91	2018
TỔNG CỘNG				914,80	100,07	12,07	14,06		